UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK ****	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **********
Số : 35/2004/QĐ-UB	Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 6 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK

Ban hành Quy định về việc chia cụm, khối, tổ chức ký kết giao ước thi đua

******

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/1003.
- Căn cứ Chỉ thị số 35/CT-TW, ngày 03/06/1998 của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn mới;
- Để công tác thi đua khen thưởng của tỉnh đi vào nề nếp đảm bảo chất lượng về nội dung và hình thức nâng cao tác dụng giáo dục, động viên, nêu gương trong phong trào thi đua yêu nước của tỉnh.
- Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh Đăk Lăk,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về việc chia cụm, khối, tổ chức ký kết giao ước thi đua, thực hiện chấm điểm, xét, xếp loại thi đua khen thưởng của tỉnh hàng năm.

Điều 2: Chánh văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột, Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 70/2003/QĐ-UB, ngày 21/5/2003 của UBND tỉnh Dak Lak và có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:
-HĐTĐKT Trung ương(Báo cáo)
-Viện TĐKT, (Hà nội và TPHCM) (Báo cáo)
-TTTU, TTHĐND, UBNDTỉnh (Báo cáo)
- Bộ tư pháp (Báo cáo)
-Các thành viên HĐTĐKT Tỉnh
-UBNDcác huyện, thành phố BMT
-Các Sở, Ban, Ngành của Tỉnh,
-UBMT, các Hội, Đoàn thể của Tỉnh,
-Một số cơ quan trung ương ở tại Tỉnh
-Các chuyên viên n/c thuộc VP HĐND&UBND Tỉnh
-Lưu VT-TĐ
(QDCK04)

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK

CHỦ - TỊCH

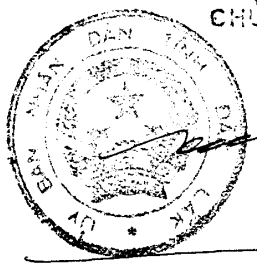

NGUYỄN VĂN LẠNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐĂKLĂK
***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
**********(QDQDCK04)

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 6 năm 2004

QUY ĐỊNH

Về việc chia cụm, khối, nội dung tổ chức ký kết giao ước thi đua, thực hiện chấm điểm, xét, xếp loại, suy tôn danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-UB, ngày 14 tháng 6 năm 2004)

******

Để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, động viên, khen thưởng kịp thời, chính xác những tập thể , cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. UBND tỉnh ban hành qui định về việc chia cụm, khối, nội dung tổ chức ký kết giao ước thi đua, thực hiện chấm điểm, xét, xếp loại, suy tôn danh hiệu thi đua, khen thưởng của tỉnh hàng năm được quy định cụ thể như sau.:

A/ VỀ PHÂN CHIA CỤM, KHỐI:

I- CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ: Được chia làm 3 cụm

Cụm 1: TP. Buôn Ma Thuột, các huyện: Krông Pách, Krông Buk, Krông ANa.

Cụm 2: Gồm các huyện; Krông Bông, Lăk, Ea Kar, M'ĐRăk

Cụm 3:Gồm các huyện; Ea H'Leo, Krông Năng, Buôn Đôn, Ea Súp, Cư M'gar.

II-CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ: Được chia làm 7 khối

1- Khối 1 gồm các đơn vị :

1- Ban tổ chức Tỉnh uỷ
2- Uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ
3- Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ
4- Văn phòng Tỉnh uỷ
5- Ban dân vận Tỉnh uỷ
6- Trường Chính Trị
7- Báo ĐăkLăk
8- Đảng uỷ khối các cơ quan Dân Chính Đảng
9- Đảng uỷ khối Doanh nghiệp

2- Khối 2 gồm các đơn vị :

1- Uỷ ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam
2- Liên đoàn Lao động
3- Tỉnh Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
4- Hội liên hiệp Phụ nữ
5- Hội Nông dân
6- Hội Cựu chiến binh
7- Hội Chữ thập đỏ
8- Hội Văn học Nghệ thuật

3- Khối 3 gồm các đơn vị :

1- Bộ chỉ huy Quân sự
2- Công an Tỉnh
3- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng
4- Thanh tra Nhà nước
5- Sở Tư pháp
6- Toà án nhân dân
7- Viện kiểm sát nhân dân
8- Ban Tôn giáo
7- Chi cục Kiểm lâm
9- Hải quan Dak Lak

4- Khối 4 gồm các đơn vị :

1- Văn phòng HĐND & UBND
2- Sở Nội vụ
3- Sở Kế hoạch và Đầu tư
4- Sở Khoa học và Công nghệ
5- Cục Thống kê
6- Ban Dân tộc

5- Khối 5 gồm các đơn vị :

1- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2- Sở Công nghiệp
3- Sở Thương mại - Du lịch
4- Sở Xây dựng
5- Sở Giao thông Vận tải
6- Sở Tài nguyên và Môi trường
7- Liên minh Hợp tác xã
8- Điện lực
9- Bưu điện

6- Khối 6 gồm các đơn vị :

1- Sở Tài chính
2- Cục thuế
3- Kho bạc Nhà nước
4- Ngân hàng Nhà nước
5- Ngân hàng Nông nghiệp&PTNT
6- Ngân hàng Ngoại thương
7- Quỹ Đầu tư Phát triển
8- Bảo hiểm xã hội
9- Chi cục dự trữ Tây Nguyên

7- Khối 7 gồm các đơn vị :

1- Sở Lao động Thương binh Xã hội
2- Sở Văn hoá và Thông tin
3- Sở Y Tế
4- Sở Thể dục - Thể thao
5- Đài Phát thanh Truyền hình
6- Uỷ ban Dân số Gia đình - Trẻ em
7- Sở Giáo dục- Đào tạo

III- NỘI DUNG, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ, THỰC HIỆN CHẤM ĐIỂM THI ĐUA, XẾP LOẠI THI ĐUA KHEN THƯỞNG:

A- Đối với các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột:

Nội dung 1: Kết qủa thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế có các tiêu chuẩn :

1.1- Về phát triển kinh tế nông nghiệp :

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- Kết quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
- Kết quả sản xuất nông nghiệp so với năm trước (diện tích, năng suất, sản lượng).

1.2- Tình hình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Tình hình quan lý phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn,
- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thực hiên so với kế hoạch và so với năm trước.
- Đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hoá dây truyền sản xuất, phát triển ngành nghề mới, Nhà máy, khu công nghiệp mới...

1.3- Tình hình phát triển thương mại, dịch vụ :

- Tình hình quan lý, thực hiên chỉ tiêu phát triển ngành thương mại, dịch vụ trên địa bàn so với kế hoạch và so với năm trước.

1.4- Về đầu tư : Tổng vốn thuộc ngân sách của đơn vị dành cho đầu tư phát triển, cơ cấu đầu tư, hiệu quả đầu tư, so sánh với năm trước.

1.5- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn so với kế hoạch và so với năm trước.

Nội dung 2: Kết qủa chăm lo, phát triển đời sống văn hóa, xã hội có các tiêu chuẩn

2.1- Về công tác giáo dục, đào tạo bao gồm đầu tư phát triển cơ sở vật chất (trường, lớp, trang thiết bị dạy và học) số lượng và chất lượng trong giáo dục đào tạo, kết qủa phổ cập tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông Trung học, vấn đề xã hội hóa giáo dục, quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục đào tạo.

2.2- Về công tác xây dựng và phát triển ngành Y tế bao gồm xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống tổ chức; kết qủa công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, rèn luyện y đức của người thầy thuốc, công tác quản lý hành chính Nhà nước về vệ sinh thực phẩm, kinh doanh, hành nghề y dược tư nhân.

2.3- Công tác Dân số, Gia đình và Trẻ em.

2.4- Về công tác xây dựng phát triển văn hóa cơ sở bao gồm: xây dựng cơ sở vật chất cho ngành văn hoá thông tin, công tác tuyên truyền thông tin đại chúng, phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, kết qủa vận động xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn dân cư, Công tác quản lý hành chính Nhà nước trên lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật, Thông tin, quảng cáo.

2.5- Hoạt động thể dục thể thao, phong trào rèn luyện sức khoẻ trong các tầng lớp nhân dân, vấn đề xã hội hóa đối với sự nghiệp Thể dục Thể thao.

2.6- Công tác chăm lo đời sống đối với các đối tượng chính sách,gia đình, người có công với nước, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà ở cho đồng bào dân tộc khó khăn chưa có nhà ở, phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn".

2.7- Về lĩnh vực khác của công tác xã hội như : Giải quyết vấn đề lao động, việc làm; đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc tại chỗ, chăm lo cho các đối

tượng xã hội, kết qủa thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, phong trào xây dựng nhà tình thương.
2.8- Công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ.
Nội dung 3: Kết qủa công tác quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chấp hành pháp luật có các tiêu chuẩn :
3.1- Về công tác quốc phòng :
- Công tác phòng thủ, diễn tập phòng thủ.
- Công tác quân sự địa phương bao gồm xây dựng lực lượng, huấn luyện lực lượng.
- Thực hiện chỉ tiêu giao quân nhân nhập ngũ, thực hiện luật nghĩa vụ quân sự.
- Công tác hậu phương, quân đội.
3.2- Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Công tác xây dựng lực lượng Công an vững mạnh, trong sạch.
- Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và công tác quản lý địa bàn dân cư, không để bọn xấu lôi kéo gây mất trật tự an ninh, xảy ra bạo loạn, vượt biên trái phép...
3.3- Thực hiện chương trình phòng chống tội phạm và tai, tệ nạn xã hội :
- Các hoạt động ngăn chặn, đẩy lùi, tấn công tội phạm và các tệ nạn xã hội nhất là tệ ma túy, mại dâm, tội phạm hình sự.
3.4- Trật tự an toàn giao thông.
3.5- Tình hình hoạt động của các cơ quan Tư pháp, Thanh tra, Viện kiểm sát, Toà án nhân dân:
- Kết qủa công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật trong nội bộ cơ quan đơn vị và trong nhân dân.
- Kết qủa thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo,
- Hoạt động của Đội thi hành án.
- Hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân.
- Hoạt động của Toà án nhân dân.
Nội dung 4: Kết qủa hoạt động quản lý quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội và phát triển nông thôn.
4.1- Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch bao gồm : Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch công trình giao thông, quy hoạch các công trình công cộng khác, quy hoạch các ngành sản xuất, kinh doanh, quy hoạch khu dân cư.
4.2- Thực hiện về công tác quản lý địa chính và nhà đất.
4.3- Quản lý về đầu tư xây dựng : quy mô, tốc độ phát triển xây dựng, tình hình chấp hành Pháp luật trong đầu tư và xây dựng.
4.4- Quản lý giao thông: quy mô, tốc độ đầu tư phát triển hệ thống giao thông.
4.5- Công tác quản lý vệ sinh, môi trường: Giải quyết vấn đề vệ sinh, môi trường, nước sạch cho sinh hoạt trong dân cư, phong trào xanh, sạch, đẹp, chống gió, chống sói mòn đất...
Nội dung 5: Công tác xây dựng chính quyền và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo có các tiêu chuẩn :
5.1- Tình hình sắp xếp, tinh giảm biên chế, thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức, hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là công tác qui hoạch, đào tạo cán bộ là người dân tộc tại chỗ.
5.2- Công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện mô hình một cửa.
5.3- Tình hình và hiệu qủa thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5.4- Quản lý sử dụng ngân sách của địa phương, quản lý tài sản công.
5.5- Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của tỉnh.
5.6- Có đầy đủ kế hoạch, chương trình công tác thường xuyên để triển khai đầy đủ, kịp thời những công tác trọng tâm của đơn vị, của tỉnh.
5.7- Gửi báo cáo đầy đủ theo quy định của UBND Tỉnh về ban hành quy chế làm việc của UBND Tỉnh,và dự họp đầy đủ, đúng thành phần theo giấy mời họp của UBND tỉnh.
Nội dung 6: Hoạt động của các đoàn thể và công tác thi đua, khen thưởng:
6.1- Đánh giá các hoạt động phong trào quần chúng của các Đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ chính trị được giao.
6.2- Tổ chức ký kết giao ước thi đua phát động các phong trào và thực hiện tốt công tác thi đua theo chỉ đạo của UBND tỉnh, có sơ kết, tổng kết đánh giá, xét chọn, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời, tạo được phong trào thi đua trong cơ quan đơn vị.

B- ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ .

1- Kết qủa thực hiện nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch được giao hoặc kế hoạch do đơn vị tự xây dựng.
2- Thực hiên công tác kiểm tra, phối hợp: công tác chỉ đạo kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các huyện, thành phố và sự phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách.
3- Công tác tham mưu cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh xây dựng các văn bản chỉ đạo của tỉnh liên quan đến lĩnh vực của sở, ban, ngành, đoàn thể kịp thời, bảo đảm chất lượng. Khi có văn bản của cấp trên ban hành thì việc triển khai thực hiện kịp thời, hiệu qủa.
4- Công tác nghiên cứu khoa học, đúc kết thực tiễn, xây dựng các chuyên đề, dự án hoặc triển khai các chương trình, đề án, các giải pháp lớn của Trung ương, của tỉnh thuộc lĩnh vực sở, ban, ngành, đoàn thể phụ trách, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo.
Nội dung 5,6 giống như nội dung 5 và 6 của huyện, TP Buôn Ma Thuột.

IV- NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, CƠ CẤU ĐIỂM, THỰC HIỆN CHẤM ĐIỂM, CÁCH TÍNH ĐIỂM, XÉT VÀ XẾP LOẠI:

1- Nguyên tắc chung:

- Chấm điểm, xếp loại thi đua phải dựa vào kết qủa và số liệu cụ thể về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị và được thực hiện một cách tự giác, trung thực.
- Chấm điểm, đánh giá, xét, xếp loại các đơn vị thi đua trong cụm, khối nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua; trao đổi, rút kinh nghiệm học tập lẫn nhau góp phần cùng hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo nghiêm túc, chặt chẽ, công khai, được đa số các đơn vị thi đua trong cụm, khối thi đua bình xét, suy tôn.

2- Cơ cấu điểm:

a- Điểm chuẩn:

- Một nội dung công tác có nhiều tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn được chấm tối đa là 100 điểm (chưa tính điểm thưởng); Điểm của một nội dung là điểm bình quân các tiêu chuẩn trong nội dung đó nhân với hệ số.

b- Điểm cộng :

- Tiêu chuẩn được xếp dẫn đầu cụm thi đua được cộng thêm 10 điểm.
- Các chỉ tiêu kế hoạch do UBND tỉnh giao hoặc đơn vị xây dựng đã được phê duyệt nếu vượt 1% được cộng thêm 1 điểm cho tiêu chuẩn đó; nhưng điểm cộng thêm không qúa 10 điểm.cho một chỉ tiêu
- Có một điển hình hoặc một mô hình mới được tổ chức học tập nhân rộng (dược tặng Cờ thi đua, có chiến sĩ thi đua, gương điển hình tiên tiến...) được cộng 20 điểm cho tiêu chuẩn thi đua (6-2), phải có báo cáo cụ thể về điển hình hoặc mô hình mới mang lại hiệu quả giá trị kinh tế xã hội cao, (kèm theo báo cáo chấm điểm).

c- Điểm trừ.

- UBND Tỉnh phê bình hoặc nhắc nhở bằng văn bản về lĩnh vực thuộc tiêu chuẩn nào, tiêu chuẩn đó bị trừ 20 điểm / 1 lần phê bình nhắc nhở.
- Thiếu một báo cáo thường xuyên theo quy định hoặc báo cáo đột xuất do UBND Tỉnh yêu cầu bị trừ 20 điểm ở tiêu chuẩn thông tin báo cáo (5.5).
- Không dự họp hoặc bỏ giữa chừng một cuộc họp do UBND tỉnh triệu tập mà không báo cáo lý do bị trừ 20 điểm ở tiêu chuẩn dự họp (5.7).
- Các đơn vị được UBND tỉnh giao chủ trì họp xử lý công việc, không chủ trì họp giải quyết công việc được giao, không báo lý do bị trừ 50 điểm đối với 1 vụ việc ở tiêu chuẩn dự họp.(5.7).
- Giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo chậm, kéo dài để vụ việc dẫn tới khiếu nại vượt cấp thì bị trừ 50 điểm đối với một vụ việc ở tiêu chuẩn (3.5)

d- Hệ số điểm:

- Điểm của các nội dung 1,2,3,4 được nhân với hệ số 2;
- Điểm của các nội dung 5,6 được nhân với hệ số 1

e- Cách tính điểm:

- Các chỉ tiêu có số liệu tính được bằng tỷ lệ % thì mỗi 1 % đạt được, được tính 01 điểm.
- Các mặt công tác hoặc tiêu chuẩn không tính được bằng tỷ lệ % cụ thể; thì tùy theo mức độ hoàn thành xuất sắc, tốt, tiên tiến, khá, trung bình số điểm tương ứng được chấm là : 100 điểm, 90 điển, 80 điểm, 70 điểm, 60 điểm và 110 điểm cho nội dung dẫn đầu.

3- Thực hiện chấm điểm:

- Các đơn vị căn cứ các nội dung theo qui định ở phần II để tự chấm điểm theo từng tiêu chuẩn trong mỗi nội dung; điểm bình quân của các tiêu chuẩn, trong nội dung (đã tính điểm cộng, trừ) nhân với hệ số của nội dung là điểm của từng nội dung. Tổng cộng điểm của các nội dung là tổng số điểm của đơn vị tự chấm cho đơn vị mình.

Các cụm, khối thi đua tổ chức kiểm tra, bình xét, xác định số điểm của mỗi đơn vị, xếp loại, suy tôn đề nghi khen thưởng các đơn vị trong cụm, khối thi đua. Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh phối hợp tổ chức kiểm tra, xét, xếp loại, suy tôn danh hiệu thi đua của các cum, khối; tổng hợp trình Hội đồng thi đua khen thưởng, UBND Tỉnh xét khen thưởng.

4- Xếp loại, suy tôn và đề nghị khen thưởng:

- Cụm, khối thi đua có ký kết giao ước thi đua đơn vị đạt từ 950 điểm trở lên, không có điểm trừ là đơn vị xuất sắc, sẽ được đề nghị UBND tỉnh tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc; đạt từ 900 điểm đến < 950 điểm sẽ được đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng

khen. Trong mỗi cụm, khối thi đua đơn vị xuất sắc có điểm cao nhất được các đơn vị thi đua trong cụm, khối suy tôn đề nghị UBND tỉnh tặng cờ dẫn đầu cụm, khối thi đua. Trong trường hợp các đơn vị thi đua của cụm có số điểm bằng nhau, thì đơn vị nào có số điểm của nội dung 4 (kết qủa hoạt động quản lý quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nông thôn) cộng với điểm của tiêu chuẩn (3.3) (thực hiện chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội) lớn hơn sẽ được xếp cao hơn.

V- KHEN THƯỞNG:

Uỷ ban nhân dân Tỉnh tặng Cờ thi đua, Bằng khen của UBND Tỉnh cho đơn vị đạt thành tích kèm theo tiền thưởng với các mức cụ thể như sau:

1/ Tặng Cờ thi đua kèm theo tiền thưởng 5.000.000,00 đồng (năm triệu đồng) đối với đơn vị dẫn đầu cụm thi đua.

2/ Tặng Cờ thi đua kèm theo tiền thưởng 3.000.000,00 đồng (ba triệu đồng) đối với đơn vị dẫn đầu khối thi đua.

3/ Tặng Cờ thi đua kèm theo tiến thưởng 3.000.000,00 đồng (ba triệu đồng) đối với đơn vị thuộc cụm thi đua; 2.000000,00 đồng (hai triệu đồng) đối với đơn vị thuộc Khối thi đua.

4/ Tặng Bằng khen kèm theo tiền thưởng 2.000000,00 đồng (hai triệu đồng) đối với đơn vị thuộc cụm thi đua; 1.000000,00 đồng (một triệu đồng) đối với đơn vị thuộc cụm thi đua.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1/ Hàng năm các cụm, khối được qui định tổ chức ký kết giao ước thi đua chọn, suy tôn hoặc luân phiên cử đơn vị làm chủ trì cụm, khối thi đua thực hiện các nhiệm vụ:

- Tổ chức thảo luận cụ thể hoá về nội dung, phương pháp đánh giá, thực hiện chấm điểm thi đua, tổ chức kiểm tra, xét, xếp loại và thống nhất chung giữa mọi thành viên trong cụm, khối nhằm thực hiện tốt các nội dung của qui định này.
- Tổ chức thảo luận, xây dựng qui chế hoạt động của cụm, khối
- Tổ chức kiểm tra, chấm điểm, xếp loại và tổng kết báo cáo kết quả giao ước thi đua của cụm, khối trong năm.
- Kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra, tổ chức hội nghị thi đua hàng năm của cụm ,khối có tổ chức ký kết giao ước thi đua do ngân sách của tỉnh cấp cho công tác thi đua khen thưởng chi, mức chi cụ thể như sau:

+ Cụm thi đua: 4.000.000,00 đồng (bốn triệu đồng),

+ Khối thi đua: 2.000.000,00 đồng (hai triệu đồng),

Danh sách cụm, khối trưởng hàng năm do cụm, khối thi đua đề nghị, Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh tổng hợp trình UBND Tỉnh quyết định.

2/ Chủ tịch UBND các Huyện, thành phố Buôn Ma Thuột, thủ trưởng, các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh cần quan tâm chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính tri của địa phương, đơn vị mình; góp phần đưa phong trào thi đua của tỉnh ngày một phát triển đem lại hiệu qủa thiết thực nhằm thực hiện vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

3/ Từ ngày 01 đến ngày 20 tháng 01 hàng năm, Chủ tịch UBND huyện,Thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh báo cáo đánh giá kết qủa thực hiện nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch, công tác của đơn vị, địa phương mình lập báo cáo theo các nội dung tiêu chuẩn nêu trên, tự chấm điểm thi đua cho địa phương, đơn vị, ngành mình các cụm, khối thi đua tổ chức kiểm tra, chấm điểm và bình xét,

xếp loại, suy tôn các đơn vị thi đua trong cụm, khối và gửi báo cáo kèm theo bảng chấm điểm thi đua của cụm, khối thi đua về UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 2 hàng năm (qua Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh) để làm cơ sở xem xét đánh giá xếp loại Thi đua Khen thưởng đối với các đơn vị. Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết đánh giá công tác thi đua khen thưởng của tỉnh và công bố kết qủa khen thưởng của tỉnh trong tháng 4 hàng năm.

4/ Giao cho Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan, kiểm tra, hướng dẫn các cụm, khối thi đua. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng, chấm điểm, xếp loại thi đua và tổng hợp kết qủa để trình Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh và UBND tỉnh xem xét, khen thưởng các đơn vị dẫn đầu, đạt thành tích xuất sắc của các cụm, khối thi đua, tham mưu tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua của tỉnh hàng năm và công bố kết qủa khen thưởng đúng thời gian qui định.

5/ Trên cơ sở quy định này, Chủ tịch UBND huyện,Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tổ chức cho các đơn vị trực thuộc ký kết giao ước thi đua, và xét khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua của đơn vị, địa phương mình đảm bảo chính xác và kịp thời.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện có gì vướng mắc, yêu cầu báo cáo về Uỷ ban nhân dân tỉnh để kịp thời chỉ đạo./.

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK

CHỦ - TỊCH

NGUYỄN VĂN LẠNG